

Bản án số: 97/2024/DS-PT

Ngày: 24 - 6 - 2024.

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thanh Ngân.

Bà Lê Thị Thọ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quang Đại - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 16 tháng 5 và 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024, về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2023/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 45/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số: 11A/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2024, Thông báo dời phiên tòa dân sự phúc thẩm số: 26/TB-TA ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà **Phan Thị Cẩm H**, sinh năm: 1985, (có mặt).

Địa chỉ: **Ấp C, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.**

Chỗ ở hiện nay: **Ấp F, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.**

2. Bà **Phan Thị Bích T**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: **Ấp E, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.**

Chỗ ở hiện nay: Khu V, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Bích T: Ông Đỗ Tuấn T1, sinh năm: 1993, (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/4/2023), (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Ông Phan Vũ Trường G, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm: 1989, (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2024), (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Hà Văn V, thuộc Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh V, (vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, đường P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1982, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3. Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn C - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc K1 - Chức vụ: Viên chức (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn Phan Vũ Trường G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Phan Thị Cẩm H trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Phan Văn T2 và bà Nguyễn Thị C1 để lại. Ông Phan Văn T2 (chết năm 2009) và bà Nguyễn Thị C1 (chết năm 2010). Lúc ông T2, bà C1 còn sống có tạo lập được phần đất diện tích 6.577m², tại các thửa 243 loại đất LNK, 249 loại đất BHK, tọa lạc tại ấp C, xã V (nay là thị trấn V), huyện L, tỉnh Hậu Giang. Được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00056 và H00058 cùng ngày 07/4/2005.

Năm 2009 bà Nguyễn Thị C1 chuyển nhượng cho ông Võ Minh L và bà Trương Thị Kim C2 02 lần, diện tích đất còn lại tại thửa 243 là 2.188m². Năm 2010 bà Nguyễn Thị C1 chết, không để lại di chúc.

Năm 2018 Ủy ban nhân dân huyện L có Quyết định số 2278/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Ban Chỉ huy quân sự huyện L, thu hồi phần đất tại thửa 243 diện tích 425,6m², thửa 249 diện tích 2.953,9m², tổng số tiền bồi thường là 820.970.669 đồng. Khi đó, bà H và bà T thống nhất ủy quyền cho em trai là Phan Vũ Trường G đứng ra nhận số tiền 820.970.669 đồng để về chia đều cho ba chị em, nhưng đến nay ông G vẫn không đồng ý chia số tiền này.

Phần đất còn lại hiện do bà H đang quản lý có tổng diện tích theo như đo đạc thực tế là 1.697,3m² gồm thửa 243 diện tích 361,2m² và thửa 249 diện tích 1.336,1m².

Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất do ông T2, bà C1 chết để lại có tổng diện tích theo như đo đạc thực tế là 1.697,3m² gồm thửa 243 diện tích 361,2m² và thửa 249 diện tích 1.336,1m², bà H có nguyện vọng được nhận phần đất giáp với thửa 250 và yêu cầu chia số tiền bồi thường là 820.970.669 đồng trước đây ông G đã nhận. Phần nền mộ và lối đi vào mộ có diện tích 59,1m² tại một phần thửa 243 bà H không yêu cầu chia, yêu cầu tách ra để sử dụng chung.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phan Thị Bích T trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của bà H và không trình bày gì thêm.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất do ông T2, bà C1 để lại có tổng diện tích theo như đo đạc thực tế là 1.697,3m² gồm thửa 243 diện tích 361,2m² và thửa 249 diện tích 1.336,1m², bà T có nguyện vọng được nhận phần đất bà H yêu cầu chia và yêu cầu chia số tiền bồi thường là 820.970.669 đồng trước đây ông G đã nhận. Phần nền mộ và lối đi vào mộ có diện tích 59,1m² tại một phần thửa 243 chị T không yêu cầu chia, yêu cầu tách ra để sử dụng chung.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Phan Vũ Trường G trình bày:

Ông G là con ruột của bà Nguyễn Thị C1 và ông Phan Văn T2, ông T2 chết năm 2009, bà C1 chết năm 2010, khi chết không để lại di chúc. Lúc sinh thời ông T2, bà C1 có tạo lập phần đất tổng diện tích 6.577m² tại các thửa 243 diện tích 3.495m², thửa 249 diện tích 3.082m², bà Nguyễn Thị C1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005. Trong phần đất tại thửa 243 ông T2, bà C1 có chuyển nhượng cho ông Võ Minh L 02 lần tổng diện tích 1.306,9m², diện tích còn lại là 2.188,1m².

Năm 2018 nhà nước có chủ trương thu hồi đất để xây dựng Ban Chỉ huy quân sự huyện L nên thu hồi đất tại thửa 243 diện tích 425,6m², thu hồi thửa 249 diện tích 2.953,9m² với số tiền bồi thường là 820.970.669 đồng, ông G đã nhận số tiền này. Các phần đất đã thu hồi này trước đây ông G được cha mẹ cho khoảng năm

2008, khi cho không có làm giấy tờ gì, ông **G** cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, những phần đất bị thu hồi thuộc quyền sở hữu của ông **G** nên ông không đồng ý chia. Ngoài ra, lúc còn sống bà **C1** có cổ phần đất bị thu hồi này cho ông **D** 10.000.000 đồng, hiện tại ông **G** đã chuộc lại. Lúc còn sống bà **C1** cũng còn nợ Hội Phụ nữ xã **V** số tiền 6.000.000 đồng nhưng ông **G** đã trả xong số tiền này và cũng không yêu cầu các hàng thừa kế trả lại. Nếu chia phần tiền bồi thường thì các hàng thừa kế phải có trách nhiệm trả lại số tiền này cho ông **G**.

Nay bà **T** và bà **H** yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền bồi thường 820.970.669 đồng và số đất còn lại tại thửa 243 và thửa 249 thì ông **G** không đồng ý phân chia số tiền 820.970.669 đồng, còn 02 phần đất còn lại thì vào năm 2009 bà **H** được bà **C1** cho 1.000m² và 01 nền nhà, hiện nhà và đất ông **H1** và bà **H** vẫn còn quản lý. Nếu bà **H** đồng ý nhận phần nền nhà và 1.000m² thì ông **G** đồng ý, phần thừa còn lại ông **G** yêu cầu được hưởng để làm nền mộ, nguyện vọng ông **G** muốn nhận phần đất giáp với phía sau phần nền mộ. Phần bà **T** thì trước đây bà **C1** có cho đất nhưng bà **T** không nhận nên ông **G** không đồng ý chia cho bà **T** vì khi nhận tiền bồi thường ông **G** có cho bà **T** 50.000.000 đồng. Phần nền mộ và lối đi vào mộ có diện tích 59,1m² tại một phần thửa 243 ông **G** không yêu cầu chia, yêu cầu tách ra để sử dụng chung.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H1 trình bày:

Ông **H1** là chồng của bà **H** nhưng hiện tại đã ly hôn. Trong quá trình sống chung ông có bỏ công sức ra để xây dựng nhà, trồng cây trên đất cũng như bồi đắp tôn tạo để có hiện trạng đất như hôm nay.

Nay bà **H** và bà **T** yêu cầu chia thừa kế thì ông yêu cầu ai nhận phần tài sản này thì có trách nhiệm trả lại giá trị cho ông. Tổng chi phí ông **H1** yêu cầu là 85.678.948 đồng gồm các khoản như sau: Cây trồng có giá 35.145.000 đồng, 02 trụ Thanh Long và 01 cây nước trị giá 10.000.000 đồng, phần nền lát gạch và chi phí bồi đắp là 9.000.000 đồng, phần nhà có giá 31.421.030 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thúy K trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của ông **G** và không trình bày gì thêm.

Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh huyện L trình bày:

Căn cứ Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện **L**. Ngày 23 tháng 4 năm 2018 Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh huyện **L** tổ chức kiểm đếm về đất và tài sản gắn liền với đất bị ảnh hưởng dự án.

Trong thời gian kiểm đếm phần tài sản của bà Nguyễn Thị **C1** mẹ của ông Phan Vũ Trường **G** đã chết năm 2010. Từ thời điểm kiểm đếm đến ngày 06 tháng 8 năm 2018 hàng thừa kế thứ nhất (các con của bà Nguyễn Thị **C1**) trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã **V** lập biên bản họp gia đình về việc cử người đại diện họp

pháp đứng tên trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án: **Ban Chỉ huy Quân sự huyện L**. Hạng mục: Giải phóng mặt bằng.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018 **Ủy ban nhân dân huyện L** ban hành Quyết định số 2281/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: **Ban Chỉ huy Quân sự huyện L**. Hạng mục: Giải phóng mặt bằng.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018 **Ủy ban nhân dân huyện L** ban hành Quyết định số 2278/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: **Ban Chỉ huy Quân sự huyện L**. Hạng mục: Giải phóng mặt bằng số tiền: 705.770.699 đồng.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 **Ủy ban nhân dân huyện L** ban hành Quyết định số 2789/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: **Ban Chỉ huy Quân sự huyện L**. Hạng mục: Giải phóng mặt bằng số tiền: 115.200.000 đồng.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018 **Ủy ban nhân dân huyện L** ban hành Quyết định số 1982/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: **Ban Chỉ huy Quân sự huyện L**. Hạng mục: Giải phóng mặt bằng số tiền: 5.000.000 đồng.

Tổng kinh phí ông **Phan Vũ Trường G** đã nhận: 825.970.699đ (*Tám trăm hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng*).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2023/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Phan Thị Cẩm H**, **Phan Thị Bích T** đối với bị đơn **Phan Vũ Trường G** về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với tài sản do ông **Phan Văn T2** và bà **Nguyễn Thị C1** để lại.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Văn H1** về việc buộc những người thừa kế của ông **Phan Văn T2** và bà **Nguyễn Thị C1** trả lại giá trị phần công sức đóng góp trong phần di sản thừa kế.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích 1.638,2m² và số tiền 804.970.669 đồng cho các hàng thừa kế như sau:

1. Chia cho bà **Phan Thị Cẩm H** quyền sử dụng phần đất diện tích 1.638,2m² gồm một phần thửa 243 diện tích 302,1m², thửa 249 diện tích 1.336,1m² và toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên đất (có lược đồ kèm theo). Bà **Phan Thị Cẩm H** còn được nhận giá trị chênh lệch từ ông **Phan Vũ Trường G** là 120.048.823 đồng (Một trăm hai mươi triệu không trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm hai mươi ba đồng).

Buộc bà **Phan Thị Cẩm H** trả cho ông **Nguyễn Văn H1** số tiền 85.678.948 đồng (Tám mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng).

2. Chia cho bà **Phan Thị Bích T** được nhận thừa kế trị giá 342.460.923 đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn chín trăm hai mươi ba đồng).

3. Chia cho ông **Phan Vũ Trường G** được nhận thừa kế trị giá 342.460.923 đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn chín trăm hai mươi ba đồng) và số tiền 16.000.000 đồng do các đồng thừa kế của bà **C1** thực hiện nghĩa vụ thay bà **C1**.

Buộc ông **Phan Vũ Trường G** giao lại phần chênh lệch cho bà **Phan Thị Cẩm H** là 120.048.823 đồng (Một trăm hai mươi triệu không trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm hai mươi ba đồng) và bà **Phan Thị Bích T** là 342.460.923 đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn chín trăm hai mươi ba đồng).

4. Ông **Nguyễn Văn H1** được nhận số tiền 85.678.948 đồng (**T3** mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng) từ bà **Phan Thị Cẩm H** và có trách nhiệm giao toàn bộ nhà, cây trồng và vật kiến trúc trên đất cho bà **H**.

5. Ôn định phần đất nền mộ và mở một lối đi vào nền mộ diện tích 59,1m² là tài sản chung của các đồng thừa kế của cụ **T2**, cụ **C1** (bà **H**, bà **T**, ông **G**) dùng vào việc thờ cúng, thể hiện tại vị trí (2) trong mảnh trích đo địa chính số 59/SHC của **Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1**.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, bị đơn ông **Phan Vũ Trường G** có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Nội dung yêu cầu: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét công sức đóng góp để tăng giá trị thừa đất, tiền chuyển đổi nghề khi thu hồi đất là cho cá nhân ông, không đồng ý chia đều 1.600m² vì trong đó có 300m² cha mẹ cho ông. Ngày 19/4/2024 ông **G** sửa đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cho ông hưởng các hạng mục bồi thường là 326.814.000đồng, gồm hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm, tái định cư, cây trồng chi phí di chuyển tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày: Bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, đồng ý chia số tiền bồi thường đất, yêu cầu nguyên đơn chia lại cho bị đơn 300m² đất do cha mẹ chết để lại, vị trí tiếp theo phía sau nền mộ.

Các nguyên đơn đồng ý chia 300m² đất cho bị đơn theo yêu cầu của bị đơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia di sản lại của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông **Phan Vũ Trường G**. Hội đồng xét xử xét thấy:

Các nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận phần đất diện tích 1.697,3m² thửa 243, 249 và số tiền 820.970.669 đồng tiền nhận bồi thường đất là do cụ **T2** và cụ **C1** chết để lại, căn cứ biên bản họp gia đình thống nhất cử bị đơn đứng ra đại diện nhận tiền bồi thường đất, nhà cửa, cây trồng... trên phần đất bị thu hồi. Sau khi nhận tiền bồi thường xong bị đơn không chia lại cho các nguyên đơn, nên phát sinh tranh chấp. Xét thấy phần diện tích đất và số tiền bồi thường do nhà nước thu hồi đất đều là di sản của cụ **C1** và cụ **T2** chết để lại, không có di chúc, nên cấp sơ thẩm chia đều cho hàng thừa kế là các con của hai cụ là có căn cứ, đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông **Phan Vũ Trường G** thay đổi nội dung kháng cáo, đồng ý chia đều số tiền nhận bồi thường đất và yêu cầu cắt đất chia cho ông 300m² và các nguyên đơn thống nhất chia lại cho bị đơn 300m² đất tiếp giáp nền mộ đo vào, bị đơn được sử dụng đường đi chung vào nền mộ là lối đi vào đất của mình được chia. Xét thấy việc thay đổi nội dung kháng cáo và sự thỏa thuận của các đương sự không trái quy định, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và phân chia di sản lại cho các đương sự như sau:

Xét thấy tổng số tiền bị đơn đại diện các anh em trong gia đình nhận, các bên thống nhất là 820.970.669 đồng, sau khi trừ đi số tiền các nguyên đơn phải thực hiện nghĩa vụ do cụ **C1** chết để lại là 16.000.000 đồng cho bị đơn thì số tiền còn lại chia đều cho ba người là 804.970.669 đồng cộng với giá trị quyền sử dụng đất là 222.412.100 đồng, tổng giá trị di sản cụ **C1** và cụ **T2** chết để lại là 1.027.382.769 đồng, chia đều mỗi người được nhận 342.460.923 đồng.

Bà **H** nhận đất diện tích 1.338,2m² tương ứng với giá trị là 181.874.600 đồng, nên ông **G** phải chia lại cho bà **H** số tiền 160.586.323 đồng.

Bà **T** nhận giá trị nên ông **G** phải chia lại cho bà **T** số tiền 342.460.923 đồng.

Ông **G** được chia 300m² đất tương ứng với giá trị 40.537.500 đồng và số tiền 301.923.424 đồng ông **G** đang quản lý cùng số tiền 16.000.000 đồng đã cản trừ trước khi chia số tiền bồi thường đất còn lại.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia di sản của các đương sự, chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm tại phiên tòa. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 623, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Phan Vũ Trường G**.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 84/2023/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Phan Thị Cẩm H**, **Phan Thị Bích T** đối với bị đơn **Phan Vũ Trường G** về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với tài sản do cụ **Phan Văn T2** và cụ **Nguyễn Thị C1** chết để lại.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Văn H1** về việc buộc những người thừa kế của cụ **Phan Văn T2** và cụ **Nguyễn Thị C1** trả lại giá trị phần công sức đóng góp trong phân di sản thừa kế.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích 1.638,2m² và số tiền 804.970.669 đồng cho các hàng thừa kế như sau:

1. Chia cho bà **Phan Thị Cẩm H** quyền sử dụng phần đất diện tích 1.338,2m² gồm một phần thửa 243 diện tích 259,6m² loại đất CLN, thửa 249 diện tích 1.078,6m² loại đất BHK và toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên đất (căn cứ lược đồ thuyết minh của Hội đồng xét xử ngày 24/6/2024). Buộc ông **Phan Vũ Trường G** chia lại cho bà **Phan Thị Cẩm H** số tiền chênh lệch giá trị là 160.586.323 đồng (Một trăm sáu mươi triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi ba đồng).

2. Chia cho bà **Phan Thị Bích T** được nhận thừa kế trị giá 342.460.923 đồng. Buộc ông **Phan Vũ Trường G** phải giao lại cho bà **T** số tiền 342.460.923 đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn chín trăm hai mươi ba đồng).

3. Chia cho ông **Phan Vũ Trường G** được nhận thừa kế 300m² đất gồm 01 phần thửa 243 có diện tích 42,5m² loại đất CLN và 257,5m² một phần thửa 249 loại đất BHK (theo lược đồ thuyết minh của Hội đồng xét xử ngày 24/6/2024), số tiền 301.923.423 đồng (Ba trăm lẻ một triệu chín trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng) và số tiền 16.000.000 đồng do các đồng thừa kế của cụ **C1** thực hiện nghĩa vụ thay cụ **C1** số tiền này đã được trừ vào số tiền thu hồi đất mà ông **G** đang quản lý, tất cả số tiền này ông **G** đang quản lý nên không buộc ai phải giao lại. Ông **G** được quản lý sử dụng cây trồng trên phần đất 300m² được chia.

4. Buộc bà **Phan Thị Cẩm H** trả cho ông **Nguyễn Văn H1** số tiền 85.678.948 đồng (Tám mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm bốn

mười tám đồng). Buộc Ông Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm giao lại toàn bộ căn nhà, cây trồng và vật kiến trúc trên đất đã chia cho bà H quản lý sử dụng.

5. Ôn định phần đất nền mộ và mở một lối đi vào nền mộ diện tích 59,1m² thuộc một phần thửa 243 loại đất CLN là tài sản chung của các đồng thừa kế của cụ T2, cụ C1 (bà H, bà T, ông G) dùng vào việc thờ cúng, thể hiện tại vị trí (2) trong mảnh trích đo địa chính số 59/SHC của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1. Ông G được sử dụng chung lối đi 2m vào nền mộ để vào phần đất được nhận thừa kế 300m².

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị Cẩm H phải chịu án phí chia thừa kế là 17.123.046 đồng và 4.283.947 đồng đối với phần thực hiện nghĩa vụ đối với ông H1, tổng cộng là 21.406.993 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006895 ngày 10/4/2023 và 6.825.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006896 ngày 10/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ. Số tiền án phí còn lại bà H phải nộp là 14.281.993 đồng.

- Bà Phan Thị Bích T phải chịu án phí chia thừa kế là 17.123.046 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo lai thu số 0006897 ngày 10/4/2023 và 6.825.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0006898 ngày 10/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ. Số tiền còn lại bà T phải nộp là 9.998.046 đồng.

- Ông Phan Vũ Trường G phải chịu án phí chia thừa kế là 17.123.046 đồng.

- Ông Nguyễn Văn H1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.141.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0009796 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ.

7. Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản:

- Bà Phan Thị Cẩm H phải nộp 1.983.333 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), đã nộp xong.

- Bà Phan Thị Bích T phải nộp 1.983.333 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), bà T nộp để hoàn trả cho bà Phan Thị Cẩm H.

- Ông Phan Vũ Trường G phải nộp 1.983.333 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), ông G nộp để hoàn trả cho bà Phan Thị Cẩm H.

8. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Phan Vũ Trường G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009912 ngày 11/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 24 tháng 6 năm 2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Long Mỹ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh